

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH THẠNH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-12-2018
“V/v: Xin ly hôn, tranh chấp về tài
sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Duân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phước Phi
2. Ông Nguyễn Văn Long

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018 tại: Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 về việc: “*Xin ly hôn, tranh chấp về tài sản khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu P - Sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn TH, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định;

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị M - Sinh năm: 1972; Địa chỉ cư trú cuối cùng: Thôn TH, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định (đã mất tích theo Quyết định số: 01/2018/QĐDS-ST ngày 01/6/2018 về việc “*Tuyên bố một người mất tích*” của TAND huyện Vinh Thanh, tỉnh Bình Định đối với bà Trần Thị M).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Thái H - sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn TH, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Mai T - sinh năm: 2000; Địa chỉ: Thôn TH, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định – (ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21/9/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 21/6/2018 và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P trình bày:

Về hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, tôi và bà M được hai bên gia đình đồng ý, chúng tôi đã về sống chung với nhau như vợ chồng nhưng vì thiếu hiểu biết pháp luật nên chúng tôi không đăng ký kết hôn theo quy định. Chúng tôi bắt

đầu sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến ngày 01/6/2018. Trong thời gian thời gian sống chung như vợ chồng, tôi và bà M có sinh được 02 người con là cháu Nguyễn Thái H – sinh ngày: 14/12/1992 và cháu Nguyễn Thị Mai T – sinh ngày: 07/7/2000. Vào năm 2001 vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên vợ tôi (M) bỏ nhà đi làm ăn xa để có tiền gửi về nuôi các con nhưng kể từ khi bỏ đi cho đến nay vợ tôi (M) không liên lạc về hỏi thăm gia đình, tôi đã về quê của vợ (M) để tìm hiểu nhưng gia đình bên vợ cũng không biết vợ tôi (M) ở đâu. Vì vậy, tôi đã làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh để thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú và được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh ra Quyết định số: 15/2016/QĐST-VDS ngày 24/8/2016 về việc yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú nhưng vợ tôi (M) vẫn không liên lạc được với tôi và tôi cũng không biết vợ đang ở đâu. Đến cuối năm 2017 tôi tiếp tục làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tuyên bố mất tích đối với vợ tôi (M) và Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh đã ra Quyết định số: 01/2018/QĐDS-ST ngày 01/6/2018 về việc tuyên bố một người mất tích. Vì vậy, tôi xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên xin Tòa án xem xét cho tôi được ly hôn vắng mặt với vợ là Trần Thị M.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng sinh được hai người con chung là cháu Nguyễn Thái H – Sinh ngày: 14/12/1992 và cháu Nguyễn Thị Mai T – Sinh ngày: 07/7/2000; Cùng địa chỉ: Thôn TH, xã Vĩnh Hòa, huyện VT, tỉnh Bình Định. Hiện tại hai cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có tài sản chung như sau: 01 thửa đất số 504, tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng đất: Đất ở lâu dài, diện tích 384 m² (16m x 24m), địa chỉ: Thôn TH, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định, được UBND huyện VT, tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp H00025 ngày 19/11/2009 cho hộ ông Nguyễn Hữu P và bà Trần Thị M. Khi ly hôn tôi yêu cầu tòa chia tài sản trên theo quy định của pháp luật. Nguyên vọng của tôi xin được nhận Quyền sử dụng đất và có nghĩa vụ chia cho bà M một phần tiền tương đương với với phần quyền sử dụng đất mà bà M được nhận.

Về khoản nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị M – mất tích nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thái H và chị Nguyễn Thị Mai T – Vắng mặt có lý do và đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, chấp nhận theo đơn khởi kiện và yêu cầu của ông P.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về hôn nhân: Áp dụng Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông P và bà M.

Về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Áp dụng Điều 62 Luật HNGĐ năm 2014; các Điều 216, 218, 219 Bộ luật dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản và quản lý tài sản của ông P và các con. Ông P và bà M mỗi người được ½ giá trị quyền sử dụng đất là 115.200.000 đồng/2 = 57.600.000 đồng, ông P được nhận quyền sử

dụng đất và thối tiền lại cho bà M 57.600.000 đồng; giao phần tài sản của bà M cho anh H (con chung của bà M, ông P) chịu trách nhiệm quản lý đến khi bà M quay về.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Hữu P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa ông và bà Trần Thị M, bà M hộ khẩu thường trú tại Thôn TH, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và xác minh tại gia đình và địa phương theo thủ tục chung nhưng bà M vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của ông P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để xác định: Ông Nguyễn Hữu P và bà Trần Thị M về sống chung với nhau trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 1988. Sau khi về sống chung với với cả hai sống tại thôn TH, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định. Đến năm 2001, bà M bỏ nhà đi làm ăn xa đến nay cũng không có tin tức gì. Xét yêu cầu ly của ông P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn của vợ chồng ông P bà M là có thật, nguyên nhân chủ yếu do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bà M đã bỏ gia đình, đi khỏi địa phương từ năm 2001, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Mặt khác, ngày 01 tháng 6 năm 2018, Tòa án đã ra Quyết định tuyên bố mất tích đối với bà Trần Thị M. Như vậy đã thể hiện mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P là phù hợp với Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 TTLT số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông P và bà M sinh được hai con chung là cháu Nguyễn Thái H – Sinh ngày: 14/12/1992 và cháu Nguyễn Thị Mai T – Sinh ngày: 07/7/2000; Cùng địa chỉ: Thôn TH, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, ông P không yêu cầu nên Tòa không xét.

[4] Về tài sản chung:

Căn cứ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hữu P và lời khai của anh Nguyễn Thái H, chị Nguyễn Thị Mai T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để xác định:

Trong thời kỳ hôn nhân hộ gia đình ông P bà M có tài sản chung gồm: 01 thửa đất số 504, tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng đất: Đất ở lâu dài, diện tích 384 m²

(16m x 24m), địa chỉ: Thôn TH, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định, được UBND huyện VT, tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp H00025 ngày 19/11/2009 cho hộ ông Nguyễn Hữu P và bà Trần Thị M, trị giá thửa đất trên là **115.200.000 đồng** (*Một trăm mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng*) (theo kết quả của hội đồng định giá tài sản ngày 09/8/2018).

Xét về điều kiện thực tế, quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản của vợ chồng ông P bà M, ông P sử dụng quyền sử dụng đất trên từ khi M đã bỏ gia đình và đi khỏi địa phương từ năm 2001 cho đến nay, 02 người con (Nguyễn Thái H, Nguyễn Thị Mai T) của ông P bà M đã tự nguyện giao toàn bộ phần tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 504 được nhận theo quy định của pháp luật cho ông P bà M được trọn quyền sử dụng (ông P được nhận $\frac{1}{2}$ và bà M được nhận $\frac{1}{2}$) và không có tranh chấp gì; Riêng bà M được nhận quyền sử dụng đất tương đương với số tiền là 57.600.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng*) ($115.200.000 \text{ đồng} / 2 \text{ phần} = 57.600.000 \text{ đồng}$), số tiền này anh Nguyễn Thái H (con ruột của bà M) cam kết nhận và bảo quản giúp bà M, khi bà M trở về thì anh H sẽ có nghĩa vụ giao toàn bộ khối tài sản (57.600.000 đồng) mà anh H đang quản lý cho bà M. Từ những phân tích và lập luận trên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 69, 212, 216, 218, 219 Bộ Luật dân sự năm 2015; Khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013; Các Điều 59, 61, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Tuyên giao cho ông Nguyễn Hữu P được trọn quyền sử dụng thửa đất thửa đất số 504, tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng đất: Đất ở lâu dài, diện tích 384 m² (16m x 24m), địa chỉ: Thôn TH, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định, được UBND huyện VT, tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp H00025 ngày 19/11/2009 cho hộ ông Nguyễn Hữu P và bà Trần Thị M, trị giá thửa đất trên là **115.200.000 đồng** (*Một trăm mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng*); Ông Nguyễn Hữu P có nghĩa vụ chia, giao cho bà Trần Thị M số tiền 57.600.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng*) mà bà M được nhận tương đương với $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất của thửa đất 504. Giao cho anh Nguyễn Thái H quản lý, bảo quản số tiền 57.600.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng*) mà bà M được nhận nêu trên, anh H có nghĩa vụ giao toàn bộ số tiền 57.600.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng*) cho bà M khi bà Trần Thị M trở về.

[5] *Về khoản nợ chung*: Không yêu cầu nên Tòa không xét.

[6] *Chi phí tố tụng*:

Áp dụng 157, 165 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hữu P về việc tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (*theo Đơn tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản và xem xét, thẩm định tại chỗ của ông Nguyễn Hữu P viết ngày 23/7/2017*).

[7] *Về án phí*: Ông Nguyễn Hữu P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và ông P tự nguyện chịu phần án phí của bà Trần Thị M.

[8] Xét các đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân:

Căn cứ Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hữu P và bà Trần Thị M.

2. Về tài sản chung:

Căn cứ các Điều 69, 212, 216, 218, 219 Bộ Luật dân sự năm 2015; Khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013; Các Điều 59, 61, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Tuyên: Giao cho ông Nguyễn Hữu P được trọn quyền sử dụng thửa đất số 504, tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng đất: Đất ở lâu dài, diện tích 384 m² (16m x 24m), địa chỉ: Thôn TH, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định, được UBND huyện VT, tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp H00025 ngày 19/11/2009 cho hộ ông Nguyễn Hữu P và bà Trần Thị M, trị giá thửa đất trên là **115.200.000 đồng** (*Một trăm mười lăm triệu, hai trăm nghìn đồng*). Ông Nguyễn Hữu P có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan chức năng thực hiện việc chuyển đổi tên người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Tuyên: Ông Nguyễn Hữu P có nghĩa vụ chia, giao cho bà Trần Thị M số tiền 57.600.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng*) mà bà M được nhận tương đương với ½ quyền sử dụng đất của thửa đất 504. Giao cho anh Nguyễn Thái H quản lý, bảo quản số tiền 57.600.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng*) mà bà M được nhận nêu trên, anh H có nghĩa vụ giao toàn bộ số tiền 57.600.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng*) cho bà M khi bà Trần Thị M trở về.

3. Chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ:

Căn cứ 157, 165 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn tự nguyện chịu, nguyên đơn đã nộp xong.

4. Án phí:

Căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Hữu P phải chịu **300.000 đồng** (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và **2.880.000 đồng** (*Hai triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ Nhà nước nhưng ông Phúc được miễn nộp vì thuộc diện hộ nghèo năm 2018.

Ông Nguyễn Hữu P tự nguyện nộp thay bà Trần Thị M số tiền **2.880.000 đồng** (*Hai triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
(Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án)
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
(UBND xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định)
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT-TA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Duân